

Số: 88 /KH-UBND

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 5 năm 2018

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Nâng cao chất lượng cải cách hành chính và chất lượng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh Quảng Ninh năm 2018 và những năm tiếp theo

Thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020; Thông báo số 187/TB-VPCP ngày 23/5/2018 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ Trương Hòa Bình tại Hội nghị công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 29/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ kết quả và tình hình thực tiễn triển khai công tác cải cách hành chính (CCHC) của tỉnh Quảng Ninh trong những năm qua; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng CCHC và chất lượng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh Quảng Ninh năm 2018 và những năm tiếp theo, cụ thể như sau:

A. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU DUY TRÌ, NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ PAR INDEX, SIPAS, PAPI TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2018 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

I. MỤC TIÊU

1. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp thực hiện nội dung CCHC theo các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC để duy trì, giữ vững vị trí dẫn đầu cả nước về Chỉ số PAR INDEX; top 5 các tỉnh, thành phố trong cả nước về Chỉ số SIPAS, phấn đấu nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất về Chỉ số PAPI.

2. Phấn đấu trong năm 2018 và các năm tiếp theo, các lĩnh vực đánh giá, tiêu chí, tiêu chí thành phần của các Chỉ số: PAR INDEX, SIPAS; các trục nội dung, chỉ số nội dung, chỉ số nội dung thành phần của Chỉ số PAPI tiếp tục đạt và vượt điểm so với kết

quả đã đạt được trong năm 2017, tăng điểm của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm hoặc đạt thấp ngay trong năm 2018.

3. Tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC của tỉnh đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường công tác tuyên truyền CCHC một cách thực chất, chất lượng và hiệu quả, tránh chung chung, hình thức.

II. CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Đối với Chỉ số PAR INDEX

1.1. Tổng điểm phần đầu tăng 2,83 điểm so với năm 2017 (từ 89,45 điểm lên 92,28 điểm).

1.2. Đối với 08 lĩnh vực đánh giá, phần đầu:

a) Có 04 lĩnh vực duy trì vị trí thứ nhất và phần đầu trong nhóm các tỉnh/thành phố đứng đầu cả nước: (1) Lĩnh vực công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: Phần đầu lên nhóm các tỉnh/thành phố đứng đầu cả nước, với số điểm 10/10 điểm (đạt tỷ lệ 100%), tăng 1,5 điểm so với năm 2017; (2) Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính: Phần đầu duy trì vị trí thứ nhất/63 tỉnh/thành phố, với số điểm 14,5/14,5 điểm (đạt tỷ lệ 100%); (3) Lĩnh vực tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: Phần đầu duy trì vị trí trong nhóm đứng đầu của các tỉnh/thành phố, với số điểm 15,5/15,5 điểm (đạt tỷ lệ 100%) - Năm 2017 tỉnh Quảng Ninh là 1 trong 9 tỉnh đạt điểm tuyệt đối ở lĩnh vực này; (4) Lĩnh vực cải cách tài chính công: Phần đầu lên vị trí thứ nhất/63 tỉnh, thành phố, với số điểm 6,6/7 điểm (đạt tỷ lệ 94,28%), tăng 0,2 điểm so với năm 2017.

b) Có 01 lĩnh vực phần đầu trong top 2/63 tỉnh, thành phố: Lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính với số điểm 13,73/16 điểm (đạt tỷ lệ 85,81%), tăng 0,5 điểm so với năm 2017.

c) Có 02 lĩnh vực phần đầu trong top 5/63 tỉnh/thành phố: (1) Lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh: Phần đầu top 5/63 tỉnh/thành phố, với số điểm 9/10 điểm (đạt tỷ lệ 90%), tăng 0,13 điểm so với năm 2017 (chủ yếu tăng điểm tại nội dung về tác động của CCHC đến chất lượng văn bản QPPL do địa phương ban hành); (2) Lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Phần đầu top 5/63 tỉnh/thành phố, với số điểm 13,8/16 điểm (đạt tỷ lệ 86,25%), tăng 0,22 điểm so với năm 2017.

d) Có 01 lĩnh vực phần đầu trong top 15/63 tỉnh/thành phố: Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy với số điểm 9,15/11 điểm (đạt tỷ lệ 83,18%), tăng 0,28 điểm so với năm 2017.

2. Đối với Chỉ số SIPAS

2.1. Tổng điểm trung bình phần đầu đạt 95% tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh và nằm trong nhóm 5 tỉnh, thành phố trong cả nước đạt tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính cao nhất.

2.2. Đối với 5 chỉ số thành phần, phần đầu:

(1) Chỉ số thành phần về tiếp cận dịch vụ: Phần đầu tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức đạt 95%, tăng 3,4% so với năm 2017; (2) Chỉ số thành phần về thủ tục hành chính: Phần đầu tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức đạt 97,5%, tăng 3,25% so với năm 2017; (3) Chỉ số thành phần về sự phục vụ của công chức: Phần đầu tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức đạt 97%, tăng 4,74% so với năm 2017; (4) Chỉ số thành phần về kết quả cung ứng dịch vụ công: Phần đầu tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức đạt 98,5%, tăng 3,3% so với năm 2017; (5) Chỉ số thành phần về tiếp nhận góp ý, phản ánh, kiến nghị: Phần đầu tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức đạt 95,5%, tăng 3,3% so với năm 2017.

3. Đối với Chỉ số PAPI

3.1. Tổng điểm phần đầu tăng 2,28 điểm so với năm 2017 (từ 36,72 điểm lên 39 điểm năm 2018) và nằm trong nhóm 16 tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất của cả nước về hiệu quả quản trị và hành chính công.

3.2. Đối với 6 trục nội dung, phần đầu:

a) Có 03 trục nội dung tăng điểm, thứ hạng và nằm trong top 16 tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất (Trục nội dung: tham gia của người dân ở cấp cơ sở; Công khai, minh bạch và kiểm soát tham nhũng trong khu vực công), với điểm số và thứ hạng cụ thể: (1) Trục nội dung tham gia của người dân ở cấp cơ sở: Tiếp tục duy trì nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất, phần đầu nằm trong top 5/63 tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất, đạt 6,4/10 điểm, tăng 0,48 điểm so với năm 2017; (2) Trục nội dung công khai, minh bạch: Phần đầu nằm trong nhóm 15/63 tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất, đạt 6,2/10 điểm, tăng 0,34 điểm so với năm 2017; (3) Trục nội dung kiểm soát tham nhũng trong khu vực công: Phần đầu nằm trong nhóm 16/63 tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất, đạt 6,9/10 điểm, tăng 0,62 điểm so với năm 2017.

b) Có 03 trục nội dung nằm trong top 15 tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình cao của cả nước (Trục nội dung: Trách nhiệm giải trình với người dân; Thủ tục hành chính công và cung ứng dịch vụ công) cụ thể: (1) Trục nội dung trách nhiệm giải trình với người dân: Phần đầu nằm trong nhóm 15/63 tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình cao, đạt 5,8/10 điểm, tăng 0,98 điểm so với năm 2017; (2) Trục nội dung thủ tục hành chính công: Phần đầu nằm trong nhóm 15/63 tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình cao, đạt 7,5/10 điểm, tăng 0,47 điểm so với năm 2017; (3) Trục nội dung cung ứng dịch vụ công: Phần đầu nằm trong nhóm 15/63 tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình cao, đạt 7,3/10 điểm, tăng 0,53 điểm so với năm 2017.

B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ PAR INDEX, SIPAS, PAPI TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2018 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Tiếp tục quán triệt, triển khai có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về CCHC, nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công, về sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.

2. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm, sự vào cuộc tích cực, chủ động của cả hệ thống chính trị, của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và toàn thể CB,CC,VC, người lao động tại các cơ quan nhà nước, đặc biệt là vai trò, trách nhiệm của người

đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác CCHC, cải thiện và nâng cao các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI của tỉnh. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì các nội dung của CCHC chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về Chỉ số thành phần và thứ hạng thuộc trách nhiệm của cơ quan mình chủ trì, theo dõi, triển khai.

3. Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nhận thức rõ trọng trách là người đứng đầu quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương, quán triệt sâu sắc tinh thần “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo và hiệu quả”; tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong các nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

4. Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ về CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, xác định rõ đây là một nhiệm vụ trọng tâm, tạo chuyển biến căn bản, trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương, nhất là các chỉ số đang có điểm số và xếp hạng thấp.

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương phải triển khai xây dựng giải pháp cụ thể để thực hiện tốt các nội dung cải cách hành chính góp phần duy trì, cải thiện thứ hạng các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI của tỉnh năm 2018 và các năm tiếp theo phù hợp với tình hình thực tiễn và nhiệm vụ của từng đơn vị, địa phương.

6. Tăng cường kiểm tra thường xuyên, đột xuất để đôn đốc công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ CCHC và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ đã được giao.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động đề ra các biện pháp, phân công trách nhiệm và nhiệm vụ với nguyên tắc “Rõ việc - rõ người - rõ trách nhiệm - rõ thời gian - rõ hiệu quả” cho các phòng, ban, đơn vị chủ trì, phối hợp và cho từng CB,CC,VC để triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác CCHC hàng năm, giai đoạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh và nâng cao các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI trong năm 2018 và các năm tiếp theo.

2. Trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) cần tập trung xác định rõ sự cần thiết ban hành văn bản và hiệu quả, tính khả thi sau khi ban hành văn bản QPPL với mục tiêu nâng cao chất lượng văn bản ban hành, đồng thời thực hiện quy trình tổ chức lấy ý kiến nhân dân, ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và đánh giá tác động của chính sách. Báo cáo kịp thời các vướng mắc trong quá trình triển khai với Bộ, ngành chủ quản.

3. Phải xây dựng các giải pháp đồng bộ, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối với công chức của các địa phương ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo đảm bảo đạt chuẩn theo quy định ngay năm 2018. Thường xuyên quán triệt, thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành

chính, thái độ, tác phong làm việc, chuẩn mực đạo đức công vụ nhất là những bộ phận, cán bộ trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) với người dân, doanh nghiệp.

4. Thực hiện hiệu quả công tác đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng tỷ lệ tự chủ về tài chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Rà soát tổng thể TTHC của sở, ngành, địa phương; tham mưu, đề xuất UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền triệt để để tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong giải quyết TTHC, gắn với công tác kiểm tra, thanh tra sau phân cấp, ủy quyền. Cập nhật đầy đủ, kịp thời và niêm yết công khai TTHC theo quy định. Tăng tỷ lệ giải quyết TTHC ở cấp độ 3, cấp độ 4, dịch vụ bưu chính công ích; tuyên truyền, hướng dẫn để người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên internet, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo; kiên quyết thực hiện để giảm số lần đi lại của người dân và doanh nghiệp khi đến cơ quan hành chính nhà nước để giải quyết công việc, từng bước hiện đại hóa nền hành chính.

6. Công khai, minh bạch cơ chế, chính sách, hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương nhất là trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở địa phương; UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện công khai thu, chi ngân sách cấp xã theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007. Kiểm soát chặt chẽ và có giải pháp phòng ngừa hành vi tham nhũng, nhất là trong các lĩnh vực như chi tiêu ngân sách, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng, đăng ký kinh doanh...

7. Thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo bền vững và Đề án đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2017-2020, góp phần hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đối với những địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, để từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân về y tế, giáo dục, vệ sinh môi trường, điện, đường giao thông.

8. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân ngay từ cơ sở, làm rõ trách nhiệm, thẩm quyền, chất lượng trong giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; chính quyền địa phương các cấp từ các huyện, thị xã, thành phố đến các xã, phường, thị trấn thực hiện nghiêm quy định tiếp dân hàng tuần, hàng tháng; đồng thời có trách nhiệm giải trình, trả lời người dân trước những vấn đề khúc mắc của địa phương theo thẩm quyền. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn địa bàn các khu dân cư.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

1.1. Chủ trì tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai có hiệu quả các nội dung về CCHC; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch CCHC tỉnh giai đoạn 2016-2020, Kế hoạch CCHC năm 2018, các giải pháp khắc phục các tồn tại hạn chế của các Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS tỉnh Quảng Ninh năm 2017. Là đầu mối, chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các đơn vị báo cáo kịp thời các nội dung các Chỉ số theo quy định của bộ, ngành chủ quản.

1.2. Phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung Đề án “*Hỗ trợ cải thiện hiệu quả quản trị và Hành*

chính công trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017-2020”; xây dựng hoàn thành Bộ Chỉ số PAPI cấp huyện và tổ chức khảo sát tại các địa phương sau khi Bộ Chỉ số được ban hành (dự kiến trong tháng 8/2018). Chủ động hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch cải thiện hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2018 của UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh theo Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt.

1.3. Chủ trì tham mưu UBND tỉnh xây dựng, triển khai Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2020” theo các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh.

1.4. Tiếp tục công tác kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, đạo đức công vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Kịp thời phát hiện, đề xuất UBND tỉnh xử lý các trường hợp vi phạm trong giải quyết TTHC cho các cá nhân, tổ chức.

1.5. Tham mưu thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/CP ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII; thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành TW khóa XII, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành chương trình hàng động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và các chính sách về tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Đề xuất UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

1.6. Tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp thực hiện để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là công chức xã, phường, thị trấn, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng gắn với từng con người, từng chức danh công việc cụ thể nhằm đạt tỷ lệ 100% CB,CC cấp xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định.

1.7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu cho UBND tỉnh, Hội đồng sáng kiến của tỉnh các giải pháp thực hiện để đảm bảo hàng năm có ít nhất 2 sáng kiến, giải pháp mới về CCHC trên địa bàn tỉnh.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

2.1. Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành thường xuyên rà soát, cập nhật Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố sau khi các bộ, ngành Trung ương công bố; phối hợp với Sở Nội vụ kiểm tra việc niêm yết, công khai và giải quyết TTHC cho các tổ chức, cá nhân theo các Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh.

2.2. Đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 2391/KH-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh; thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả giải quyết TTHC ngay tại các Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã.

2.3. Chủ trì hướng dẫn các sở, ban, ngành tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các TTHC, nhất là các TTHC trên các lĩnh vực trọng tâm theo quy định tại Nghị quyết số 35/NQ-CP, Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2018 và Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ.

4. Sở Tư pháp

4.1. Nâng cao chất lượng thẩm định dự thảo các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh, đồng thời hướng dẫn các sở, ban, ngành trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại địa phương; đảm bảo các văn bản QPPL của tỉnh được ban hành đồng bộ, thống nhất, hợp lý và có tính khả thi, góp phần nâng cao tiêu chí thành phần về sự tác động của cải cách hành chính đến chất lượng văn bản QPPL do tỉnh ban hành.

4.2. Tham mưu UBND tỉnh kịp thời phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL thuộc thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp và mang lại hiệu quả cao hơn.

5. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh các giải pháp để việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị; hướng dẫn các sự nghiệp công lập khối tỉnh thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Quyết định đã được UBND phê duyệt.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch áp dụng, duy trì, cải tiến và chuyển đổi áp dụng ISO 9001: 2015 vào hoạt động đảm bảo theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch áp dụng, duy trì, cải tiến và chuyển đổi áp dụng ISO 9001: 2015 vào hoạt động có hiệu quả.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

7.1. Chủ trì xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh năm 2018 và báo cáo Bộ Thông tin & Truyền thông trước ngày 01/8/2018, đồng thời tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

7.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện nhằm nâng cao tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4; số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4 trên địa bàn tỉnh đảm bảo tỷ lệ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về việc tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số Par Index cấp tỉnh.

7.3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường đào tạo, hướng dẫn các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động các cơ quan nhà nước nắm rõ về dịch vụ công trực tuyến, quy trình thực hiện, lợi ích các loại hình dịch vụ này để tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ trực tiếp tổ chức, công dân lập, nộp hồ sơ trực tuyến.

7.4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai cung cấp các tính năng chưa có và hoàn thiện các tính năng còn bất cập của Cổng thông tin dịch vụ công tỉnh để người dân, tổ chức tham gia nộp hồ sơ TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 một cách thuận tiện, nhanh chóng nhất.

7.5. Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo chỉ đạo của UBND tỉnh, đảm bảo tỷ lệ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về việc tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số Par Index cấp tỉnh.

7.6. Phối hợp với UBND các địa phương tuyên truyền, hướng dẫn người dân trong thực hiện TTHC (*trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã hoặc gửi hồ sơ giải quyết TTHC qua đường bưu chính; qua dịch vụ công trực tuyến...*).

7.7. Hoàn thành các báo cáo trong hệ thống theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

8.1. Triển khai các giải pháp nâng tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2018 và các năm tiếp theo (*đảm bảo tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm tăng 30% trở lên so với năm trước liền kề*).

8.2. Đề xuất giải pháp đổi mới, cải cách, giảm TTHC, giảm các đầu mối trong việc thực hiện cấp mới, cấp đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh.

9. Sở Xây dựng

9.1. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn đảm bảo đúng quy định theo TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố và đảm bảo không gây phiền hà sách nhiễu các tổ chức, công dân; đề xuất giảm quy trình, TTHC trong công tác cấp giấy phép xây dựng; đề xuất những đối tượng trong các khu dân cư không phải cấp giấy phép xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi xây dựng nhà ở.

9.2. Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu giải quyết các TTHC liên quan đến cấp giấy phép xây dựng cho cá nhân, tổ chức đảm bảo công khai, minh bạch; tham mưu, đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm (*theo kết quả khảo sát của Chỉ số PAPI, tỷ lệ người dân trả lời không phải chi thêm tiền để nhận được giấy phép xây dựng chỉ có 34,15%. Như vậy, còn 65,85% tỷ lệ người dân đánh giá phải trả thêm phí để nhận được giấy phép xây dựng*).

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

10.1. Tham mưu, chỉ đạo hoàn thành công tác lập và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất của các huyện, thị xã, thành phố, nâng cao chất lượng quy hoạch sử dụng đất đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung trên địa bàn (*theo kết quả khảo sát của Chỉ số PAPI, tỷ lệ người dân trả lời được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của địa phương chỉ có 5,41%/100%*);

10.2. Tiếp tục rà soát các cơ chế chính sách về đất đai còn bất cập để đề xuất thay thế, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tế.

10.3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai; quản lý chặt chẽ việc lập, thẩm định, phê duyệt giá đất các loại, đặc biệt đất để đấu giá, giá đất giao thu tiền sử dụng đất, giá đất các loại trong giải phóng mặt bằng.

10.4. Tham mưu triển khai thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng; đền bù giải phóng mặt bằng, quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường chỉ đạo, giám sát các phòng, ban cấp huyện thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực đất đai nhằm nâng cao sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*theo kết quả khảo sát của Chỉ số PAPI, tỷ lệ người trả lời không phải chi thêm tiền để nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có 32,25%. Như vậy, còn có 67,75% người trả lời có phải trả thêm chi phí để nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*).

10.5. Chỉ đạo công khai đầy đủ quy hoạch kế hoạch sử dụng đất quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà, khung giá đất ở, khung giá đền bù đất đúng quy định và đầy đủ chính xác.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo

11.1. Triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học và luyện kỹ năng thực hành, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên...

11.2. Thường xuyên chấn chỉnh kịp thời hoạt động dạy thêm, học thêm sai quy định; kiểm tra và xử lý dứt điểm tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục; giữ vững và nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia, phổ cập giáo dục; đẩy mạnh chất lượng giáo dục miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

12. Sở Y tế

12.1. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; triển khai nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao tại các bệnh viện; tiếp tục duy trì khám chữa bệnh lưu động định kỳ tại các địa bàn xã vùng sâu, vùng xa, biên đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

12.2. Nâng cao chất lượng dịch vụ, đổi mới việc cung cấp dịch vụ y tế cho người dân, đặc biệt khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo; phấn đấu tăng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm y tế, tăng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế để mọi người dân được tiếp cận dịch vụ tốt hơn, đi đôi với phát triển các dịch vụ y tế chất lượng cao để đáp ứng những đối tượng có nhu cầu và khả năng chi trả.

12.3. Đề xuất đầu tư, cải tạo nâng cấp các trụ sở y tế đã xuống cấp; chuyển đổi mô hình quản lý bệnh viện, hướng tới tự chủ kinh phí một số bệnh viện, trung tâm y tế; duy trì 100% số xã, phường, thị trấn đảm bảo bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

12.4. Tăng cường tuyên truyền về khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi được miễn phí khám chữa bệnh (*theo kết quả khảo sát của Chỉ số PAPI, tỷ lệ người trả lời cho biết trẻ em dưới 6 tuổi được miễn phí khám chữa bệnh chỉ có 51.80%. Như*

vậy, còn 48,2% tỷ lệ người chưa được biết trẻ em dưới 6 tuổi được miễn phí khám, chữa bệnh).

13. Trung tâm Hành chính công tỉnh

13.1. Kiểm soát, đôn đốc các sở, ban, ngành thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC của tổ chức, cá nhân đảm bảo thời gian quy định và kịp thời có văn bản xin lỗi các tổ chức, cá nhân khi có hồ sơ bị trễ hẹn.

13.2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ số liệu TTHC thực hiện thẩm định và phê duyệt tại Trung tâm HCC các cấp.

13.3. Tiếp tục triển khai việc lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức giải quyết TTHC tại Trung tâm Hành chính công các cấp và Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả cấp xã trên địa bàn tỉnh.

13.4. Triển khai ngay việc nộp, thu nhận các khoản nộp của công dân, doanh nghiệp tại các Trung tâm Hành chính công được thực hiện bằng thẻ.

14. Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư

14.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP; Kế hoạch hành động số 2614/KH-UBND ngày 17/4/2018 của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2018 và những năm tiếp theo.

14.2. Khi tiếp nhận hồ sơ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề nghị nghiên cứu quy hoạch, nghiên cứu đầu tư phải xem xét kỹ lưỡng, nghiên cứu quy hoạch khu vực, tài nguyên, khoáng sản... để có ý kiến trả lời ngay hoặc báo cáo UBND tỉnh theo quy định để giảm thời gian đi lại của doanh nghiệp.

15. Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh

15.1. Đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo các nội dung công việc cụ thể để chuẩn bị triển khai Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn, Bắc Vân Phong, Phú Quốc ngay sau khi được Quốc hội thông qua; tiếp tục hoàn thiện Đề án Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn chuẩn bị trình tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV.

15.2. Định kỳ hàng quý tổ chức gặp mặt doanh nghiệp trên địa bàn KCN, KKT nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

15.3. Phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai: Kế hoạch phát triển nhà ở công nhân các KCN Quảng Ninh giai đoạn 2017- 2020; Kế hoạch nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động KCN Quảng Ninh, giai đoạn 2016-2020; Đề án quan hệ lao động Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020; Xây dựng Chương trình triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về thu hút lao động làm việc tại các KCN, KKT sau khi được HĐND, UBND tỉnh thông qua.

15.4. Khi tiếp nhận hồ sơ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đề nghị nghiên cứu đầu tư trong các KCN, KKT thì phải nghiên cứu kỹ danh mục các dự án được đầu tư trong từng KCN, KKT để trả lời ngay hoặc báo cáo UBND theo quy định để giảm thời gian đi lại của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

16. Công an tỉnh

16.1. Đẩy mạnh công tác dân vận và xây dựng phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”; huy động sức mạnh toàn dân và cả hệ thống chính trị vào công tác bảo đảm an ninh, trật tự; nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trên địa bàn.

16.2. Chỉ đạo công an các địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh (*theo kết quả khảo sát của Chỉ số PAPI, tỷ lệ người trả lời cho biết là nạn nhân của một trong 4 loại tội phạm về an ninh, trật tự chiếm 14,33%; tỷ lệ người cho biết có thay đổi về mức độ an ninh theo hướng tốt lên sau 3 năm khảo sát chỉ đạt 5,47%/100%*).

17. Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn: Cục Hải quan, Cục thuế, Bảo hiểm xã hội, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, Cục thống kê tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng, Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy

17.1. Phối hợp với Trung tâm Hành chính công tỉnh xây dựng quy trình giải quyết các TTHC theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và nghiên cứu, xây dựng quy trình giải quyết các TTHC liên thông thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của đơn vị trên môi trường mạng (*gồm TTHC liên thông dọc theo 03 cấp: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và TTHC liên thông ngang với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh*) để tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

17.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về thẻ bảo hiểm y tế; phối hợp với ngành y tế để thực hiện việc khám, chữa bệnh cho người nghèo, người có thu nhập thấp; triển khai các giải pháp phân đầu nâng tỷ lệ bao phủ BHYT toàn tỉnh lên 95% vào năm 2020. Tập trung đẩy mạnh cải cách TTHC, kiểm soát thu chi gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối với chính quyền điện tử và triển khai nghiệp vụ và cung ứng dịch vụ tạo thuận lợi nhất cho người tham gia bảo hiểm.

17.3. Tiếp tục đưa các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các ngành vào thực hiện tại trung tâm hành chính công cấp tỉnh và cấp huyện để tạo thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

18. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ninh, Cổng thông tin điện tử tỉnh

Tăng cường công tác tuyên truyền, kịp thời phát hiện, nêu gương các điển hình tiên tiến trong công tác CCHC của tỉnh và của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời phản ánh những hạn chế, tồn tại của bộ máy, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện CCHC.

19. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

19.1. Tổ chức Hội nghị quán triệt và triển khai ngay các giải pháp cụ thể (Kế hoạch) nâng cao Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAPI tỉnh Quảng Ninh năm 2018 và những năm tiếp theo đến UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị

thuộc thẩm quyền quản lý, yêu cầu hoàn thành và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) **trước 30/6/2018**.

19.2. Tăng cường việc kiểm tra, giám sát công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại của người dân, chỉ đạo giải quyết triệt để công tác khiếu nại, tố cáo từ cấp cơ sở, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện vượt cấp trên địa bàn. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân trong thực hiện TTHC trên địa bàn.

19.3. Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình giải quyết công việc của cán bộ, công chức đảm bảo thực hiện đúng quy định về giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (*đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng, quản lý đất đai, cấp giấy phép đăng ký kinh doanh...*), đảm bảo hướng dẫn kê khai hồ sơ đầy đủ, chính xác để người dân, tổ chức bổ sung hồ sơ không quá 1 lần. Chỉ đạo Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã đối với trường hợp trễ hạn giải quyết TTHC cho công dân, tổ chức phải có văn bản xin lỗi công khai gửi đến công dân, tổ chức đó, trong đó phải ấn định được thời gian sẽ trả kết quả cho công dân, tổ chức sau khi trễ hạn.

19.4. Tăng cường triển khai thực hiện nhằm nâng cao tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3,4; số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4 trên địa bàn; nâng cao tỷ lệ TTHC phát sinh hồ sơ và số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

19.5. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương công chức tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc, nhất là tại các Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hoặc điều chuyển cán bộ, công chức có thái độ không đúng khi người dân, tổ chức đến làm việc; đảm bảo không còn để xảy ra tình trạng nhũng nhiễu trong quá trình giải quyết công việc, cung ứng dịch vụ hành chính công.

19.6. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức trên địa bàn, qua đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của công chức, đặc biệt là đội ngũ công chức trực tiếp giải quyết công chức với người dân, tổ chức.

20. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

20.1. Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động của chính quyền cấp xã; thường xuyên trao đổi, đối thoại, gặp gỡ nhân dân trên địa bàn để kịp thời nắm bắt các vấn đề phát sinh trong sinh hoạt của thôn, bản, khu phố để có các giải pháp tháo gỡ kịp thời cũng như báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

20.2. Thực hiện nghiêm quy định về giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; hướng dẫn các cá nhân, tổ chức kê khai hồ sơ đầy đủ, chính xác, tuyệt đối không để các cá nhân, tổ chức phải đi lại quá 1 lần để bổ sung hồ sơ.

20.3. Thực hiện nghiêm lịch tiếp công dân vào thứ 5 hàng tuần để giải quyết các kiến nghị của người dân; tập trung giải quyết triệt để các đơn thư khiếu nại, tố cáo, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện vượt cấp.

21. Đề nghị Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc chung Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tăng cường giám sát việc triển khai công tác CCHC tại các sở, ban, ngành, địa phương, đặc biệt đối với việc giải quyết TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp để đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định; vận động các hội viên, đoàn viên tích cực và tự giác tham gia với tư cách thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân, tham gia xây dựng chính quyền.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nội dung Kế hoạch nêu trên khẩn trương tổ chức quán triệt và xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể để triển khai tại cơ quan, đơn vị, địa phương, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) **trước ngày 15/6/2018**. Đồng thời định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các nội dung Kế hoạch trong Báo cáo công tác CCHC hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm của đơn vị.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CQ chuyên trách tham mưu, giúp việc chung Khối MTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh (tại mục 17 phần Tổ chức thực hiện);
- Thành ủy, Thị ủy, Huyện ủy các huyện, TX, TP;
- UBND các huyện, TX, TP;
- V0-5; các chuyên viên VP.UBND tỉnh;
- Báo QN, Đài PT-TH tỉnh; TT Thông tin;
- Lưu: VT, TH4.

10 bản - KH06

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Long